

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/2000 (nay là quy hoạch phân khu) khu dân cư Tùng Lâm, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND số 11/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 1364/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 1939/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Tùng Lâm, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn tại Tờ trình số 1269/TTr-BQLKKTNS ngày 27 tháng 9 năm 2013; của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3335/SXD-QH ngày 22 tháng 10 năm 2013 xin phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 (nay là quy hoạch phân khu) khu dân cư Tùng Lâm, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 (nay là quy hoạch phân khu) khu dân cư Tùng Lâm, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, với nội dung chính sau:

1. Mục tiêu, nhiệm vụ:

- Cụ thể hoá quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá đã được Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số

1364/QĐ-TTg ngày 10/10/2007. Xác lập các nội dung về không gian kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật khu vực đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị;

- Phân định cụ thể chức năng khu đô thị, làm cơ sở lập, triển khai các dự án đầu tư và quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch;

2. Phạm vi, ranh giới và diện tích quy hoạch:

Khu vực lập Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư Tùng Lâm thuộc địa giới hành chính của hai xã Tùng Lâm và Tân Trường, huyện Tĩnh Gia có diện tích 529,35 ha. Giới hạn vị trí như sau:

- Phía Bắc giáp: Núi Thung Lim;
- Phía Nam giáp: Đường sắt Bắc Nam quy hoạch, Khu công nghiệp số 4;
- Phía Tây giáp: Núi Khoa Trường;
- Phía Đông giáp: Khu cây xanh theo quy hoạch.

3. Tính chất, chức năng:

Là khu đô thị sinh thái thuộc Khu kinh tế Nghi Sơn.

4. Quy mô dân số, quy mô đất đai

a) Quy mô dân số:

- Dân số hiện tại khoảng: 3.800 người;
- Dân số dự báo đến năm 2020 khoảng: 18.000 người.

b) Quy mô đất đai:

Tổng diện tích trong giới hạn nghiên cứu là 529.35 ha. Bao gồm:

* Đất xây dựng đô thị: 253,16 ha. Gồm:

- + Đất ở: 173,55 ha;
- + Đất các công trình công cộng cấp đô thị: 44,11 ha;
- + Đất giao thông đối nội: 35,50 ha;

* Đất ngoài ngoài đô thị : 11,34 ha. Gồm:

- Đất trường THPT: 3.09 ha;
- Đất trung tâm thể dục thể thao: 8.25 ha;

* Đất khác: 264,85 ha. Gồm:

- Đất sông suối: 71,10 ha;
- Đất công trình tôn giáo: 0,27 ha;
- Đất công viên thảm cỏ: 89,08 ha;

- Đất giao thông đôi ngoài: 15,30 ha;
- Đất đồi núi, đất khác: 114,10 ha.

5. Tổ chức không gian và phân khu chức năng:

5.1. Tổ chức không gian:

Khu dân cư Tùng Lâm được tổ chức quy mô tương đương 1 phường với 3 nhóm ở kèm theo hệ thống hạ tầng xã hội phù hợp theo bán kính phục vụ:

- Nhóm ở số 1 nằm về phía Bắc, có trung tâm là khu vực dịch vụ thương mại cấp đô thị, nhà ở đa năng cao tầng và trường PTTH cùng hệ thống hạ tầng xã hội cấp đơn vị ở.

- Nhóm ở số 2 nằm về phía Tây Nam hệ thống sông Tuân Cung, có trung tâm kéo từ khu vực lõi trung tâm về phía Tây gồm khu vực TDDT cấp đô thị, các công trình dịch vụ, thương mại, trung tâm đơn vị ở và hệ thống hạ tầng xã hội cấp đơn vị ở.

- Nhóm ở số 3 nằm về phía Đông, có khu trung tâm hành chính cấp phường và các khu vực dịch vụ thương mại đô thị, nhà ở hỗn hợp đa năng cao tầng.

5.2. Phân khu chức năng:

a) Các khu dân cư:

Các khu ở được bố trí 3 loại hình chính:

- Các khu dân cư hiện trạng: Bố cục, sắp xếp quy hoạch lại với phương châm nâng cấp cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật, nhằm nâng cao dân chất lượng sống cho các khu dân cư này, đáp ứng với yêu cầu phát triển của đô thị loại 1;

- Các khu nhà ở sinh thái: được bố trí dạng nhà vườn, biệt thự, ven sông suối và đồi núi theo địa hình tự nhiên;

- Các khu ở dân cư đô thị dạng chia lô thấp tầng;

- Các khu ở cao tầng dạng chung cư cho công nhân: bố trí khu vực phía Nam giáp với khu công nghiệp số 3,4,5, và khu vực phía Bắc giáp với khu CN Phú Lâm theo QHC khu kinh tế Nghi Sơn;

- Các công trình hạ tầng xã hội: bố trí trên cơ sở quy hoạch chung và theo tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội cho các nhóm ở.

Tổng đất ở là: 173.55ha; trong đó:

- Diện tích đất dân cư hiện trạng: 83.04ha, chiếm 15.69% diện tích quy hoạch. Gồm các lô từ DC1 đến DC28; MĐXD 45%, tầng cao 2-4 tầng.

- Diện tích đất dân cư mới gồm:

+ Đất nhà ở chia lô liền kề: 14.4 ha chiếm 2.73% diện tích quy hoạch. Gồm các lô từ CL1 đến CL15; MĐXD 80%, tầng cao 2-5 tầng;

+ Đất ở nhà vườn, biệt thự: 34.99 ha chiếm 6.61% quỹ đất xây dựng. Gồm các lô từ BT 1 đến BT 22; MĐXD 40%, tầng cao 1-3 tầng;

+ Đất ở chung cư cao tầng: 29.49ha, chiếm 5.57% quỹ đất xây dựng. Gồm các lô từ CC1 đến CC11; MĐXD 40%, tầng cao 9-15 tầng.

b) Đất công trình công cộng:

- Đất hành chính cơ quan :

+ Khối hành chính cơ quan chủ yếu cải tạo và xây dựng trên vị trí hiện nay tại UBND xã Tùng Lâm;

+ Tại các tiểu khu, bố trí quỹ đất phù hợp để xây dựng nhà văn hóa khu phố kết hợp khuôn viên, cây xanh TĐTT sinh hoạt cộng đồng của các tiểu khu;

+ Đất xây dựng khối công sở hành chính, cơ quan: Lô đất có ký hiệu CS, diện tích 2.16ha chiếm 0.41% quỹ đất xây dựng. MĐXD 40%, tầng cao từ 2-5 tầng.

- Đất công trình DV-TM:

+ Trên cơ sở nâng cấp các công trình DV-TM hiện có và xây dựng các công trình DV-TM mới tại các khu vực có vị trí gắn liền với các tuyến giao thông quan trọng, đáp ứng cho nhu cầu của nhân dân trong khu đô thị;

+ Tổng diện tích đất DV-TM đô thị là: 28.02ha; chiếm 5,29% tổng quỹ đất xây dựng. MĐXD 35%, tầng cao từ 9-12 tầng; hệ số sử dụng đất 4.2 lần. Gồm các lô đất có ký hiệu: DV01 đến DV06.

c) Đất giáo dục:

- Khu vực nghiên cứu có quy mô tương đương 1 phường với 3 nhóm ở. Mỗi nhóm ở bố trí các trường tiểu học và THCS theo bán kính phục vụ, phù hợp với tiêu chuẩn, ngoài ra theo định hướng quy hoạch chung và quy hoạch ngành, bố trí tại khu vực đô thị Tùng Lâm 1 trường THPT. Tổng diện tích đất XD trường tiểu học và THCS: 4.61ha chiếm 0,87% quỹ đất XD, MĐXD 40%, tầng cao từ 2-4 tầng, hệ số sử dụng đất 1.4 lần, gồm các lô đất có ký hiệu: TH01; TH02; TH03 và THCS 01; THCS 02; THCS 03..

- Mỗi tiểu khu dành diện tích đất theo quy mô dân số và bán kính phục vụ để xây dựng trường mầm non. Diện tích đất XD trường mầm non: 3,83ha chiếm 0,72% quỹ đất XD, MĐXD 30%, tầng cao từ 1-3 tầng, hệ số sử dụng đất 0.9 lần, gồm các lô đất có ký hiệu NT 01 đến NT 05.

d) Đất cây xanh công viên - TĐTT:

- Ở mỗi tiểu khu bố trí một khu vực sinh hoạt văn hoá và vui chơi thể thao;
- Diện tích đất công viên, cây xanh: 5,32ha, chiếm 1,01% quỹ đất xây dựng;
- Xây dựng khu trung tâm liên hợp TĐTT cấp vùng theo định hướng quy hoạch chung bao gồm: sân vận động, Nhà thi đấu, các sân thể thao Tennis, bóng rổ, bóng chuyền, bể bơi... tạo thành quần thể kiến trúc công trình văn hóa thể thao tập trung, tạo được điểm nhấn trong không gian đô thị, đáp ứng nhu cầu tập luyện, thi đấu thể thao đồng thời là nơi tổ chức các sự kiện văn hoá, chính trị.

6. Định hướng kiến trúc cảnh quan đô thị

a) Kiến trúc công trình trụ sở cơ quan - công trình công cộng:

- Đối với các công trình thuộc trung tâm hành chính, văn hoá, giáo dục, y tế cấp đơn vị ở: thiết kế hợp khối, hình thức kiến trúc hiện đại mang đậm bản sắc dân tộc, phù hợp với tính chất công năng sử dụng của công trình và hài hoà với khung cảnh chung.

- Đối với công trình dịch vụ công cộng - thương mại, chung cư cao tầng: yêu cầu thiết kế hình thức kiến trúc đẹp và phong phú, sử dụng tầng để có khối tích lớn vào mục đích dịch vụ thương mại, các tầng trên sử dụng làm văn phòng cho thuê, khách sạn và phòng ở dạng cao cấp;

b) Kiến trúc nhà ở:

- Đối với khu ở cũ cải tạo: Khoanh vùng cải tạo về kiến trúc, hệ thống hạ tầng (giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, viễn thông...) đạt chỉ tiêu khu dân cư đô thị. Nhà ở của dân phải được nâng cấp cải tạo với tầng cao từ 2 đến 4 tầng, hình thức kiến trúc phù hợp với đặc điểm cảnh quan của khu vực, đồng thời vẫn tạo lập được sắc thái của đô thị;

- Đối với các khu ở mới: xây dựng tập trung hợp khối trên một số trục đường chính, nhà biệt thự và nhà liên kế thấp tầng, áp dụng các hình thức kiến trúc hiện đại, kết hợp hài hoà với sân vườn và cảnh quan thiên nhiên, hình thức thiết kế nhẹ nhàng, phong phú tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều đối tượng sử dụng khác nhau;

- Đối với các khu chung cư cao tầng, tùy theo từng khu, hình thức kiến trúc hiện đại, phù hợp với công năng sử dụng của từng khu nhà.

c) Các khu vực cửa ngõ đô thị: được thiết kế hiện đại, biểu tượng khái quát đặc trưng gây ấn tượng, chào đón thân thiện:

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Chuẩn bị kỹ thuật

Khu vực lập quy hoạch có địa hình khá phức tạp, căn cứ vào địa hình tự nhiên và để giảm khối lượng đào đắp quy hoạch san nền chia làm 4 khu vực như sau:

- Khu vực 1: Thuộc lưu vực đường cấp phối chính trung tâm qua UBND xã và triền núi Thung Lim, thuộc thôn Lương Điền và Thôn Trường sơn 3. Nền khu đất quy hoạch thiết kế thấp nhất là 5,5m, cao nhất là 12,5 m, cá biệt là khu vực triền núi Thung Lim nền khu đất XD cao hơn từ 15m – 20m. Độ dốc nền $i = 0,005 - 0,02$;

- Khu vực 2: Là khu vực được giới hạn bởi Nam đường cấp phối chính Đông Tây và triền núi Đồng Lèn, suối Dầu, thuộc cánh đồng Lương Điền và thôn Bình Lâm. Nền khu đất xây dựng thấp nhất là 6,10 m, cao nhất là 9,5 m, cá biệt khu vực triền núi Đồng Lèn có thể đến cao độ 15,0 m và khu vực hồ Đàm Sen và dọc theo suối Dầu cao độ nền xây dựng thấp từ 4,80 m đến 8,50 m. Độ dốc nền từ $i = 0,005 - 0,02$;

- Khu vực 3: Được giới hạn bởi triền núi Đồng Lèn, suối Dầu, sông Trầu thuộc thôn Thê Vinh. Nền khu đất xây dựng thấp nhất là 5.0 m, cao nhất là 9,5m cá biệt khu vực chân núi Đồng Lèn có thể đến cao độ 10,50 m. Độ dốc nền từ $i = 0,005 - 0,02$;

Ngoài ra khu vực dân cư hiện trạng giữ nguyên cao độ nền và khu vực dọc theo suối Dầu và sông Trầu cao độ nền thấp hơn từ 4,30 m đến 4,80 m;

- Khu vực 4: Là khu đất còn lại, được giới hạn bởi đường trung tâm qua UBND xã Trường Lâm, suối Dầu, sông Trầu thuộc thôn Khoa Trường, thôn Trường Sơn 1, thôn Trường Sơn 2. Cao độ nền xây dựng thiết kế thấp nhất là 4,5 m, cao nhất là 11,0 m (khu vực dân cư chân núi đường đi QL1A). Độ dốc nền $i = 0,005 - 0,02$;

Ngoài ra khu vực dân cư hiện trạng giữ nguyên cao độ nền 5,2 m đến 8,0 m và khu vực dọc theo suối Dầu, sông Tuân Cung cao độ nền xây dựng từ 4,20m trở lên.

b) Quy hoạch hệ thống giao thông:

*** Giao thông đối ngoại:**

- Tuyến đường đôi phía Bắc khu quy hoạch đi quốc lộ 1A (mặt cắt 1-1) giới hạn đường đỏ 36,0 m (lòng đường 2 x 10,5m, vỉa hè 2 x 6,0m, giải phân cách giữa 3,0m);

- Tuyến đường bao phía Nam và phía Tây khu quy hoạch (mặt cắt 6-6) giới hạn đường đỏ 27,0 m (lòng đường 15,0 m, vỉa hè 2 x 6,0 m);

* Giao thông đối nội:

- Các tuyến đường mang tính trục đô thị và liên kết các khu chức năng (mặt cắt 4-4), giới hạn đường đỏ 22,5 m (lòng đường 10,5 m, vỉa hè 2 x 6,0 m);

- Tuyến đường đôi trung tâm phường (mặt cắt 2-2), giới hạn đường đỏ 40,0m (lòng đường 2 x 7,5 vỉa hè 2 x 5,0 giải phân cách giữa 15,0m);

- Các tuyến đường nội bộ khu dân cư Tùng lâm có giới hạn đường đỏ 17,5 m (lòng đường 7,5m, vỉa hè 2 x 5,0 m); 19,5 m (lòng đường 7,5 m, vỉa hè 2 x 6,0 m).

c) Cấp điện:

- Tổng công suất các trạm biến áp: 9.100 KVA;

- Nguồn điện: Lấy từ trạm trung gian 110KV Tỉnh Gia 2 CS: 110/22KV-2x40MVA;

- Lưới điện hạ thế và chiếu sáng: Với lưới điện 0.4KV vào các khu phố dân cư cho được chôn ngầm dưới vỉa hè, đường điện này kết hợp chiếu sáng đường phố cho các khu dân cư đô thị;

- Hệ thống chiếu sáng: Dùng cột thép bát giác liền cần 9 m hai phía đôi xứng và so le đặt trên vỉa hè, tim cột trồng cách mép đường 0,7m, khoảng cách giữa các cột trung bình 30 - 35m/cột. Nguồn điện hệ thống chiếu sáng được cấp từ các trạm biến áp xây dựng mới thuộc hạng mục cấp điện của dự án. Dây dẫn dùng cáp lõi đồng loại 3 pha chôn ngầm;

- Bố trí trạm biến áp: Bán kính phục vụ của một trạm không quá 500m;

- Công suất trạm biến áp chọn từ 180 KVA – 400 KVA ;

- Tổng số trạm biến áp là 30 trạm, bao gồm :

+ Trạm biến áp 400KVA-22/0,4KV có 8 trạm tương đương 3.600KVA.

+ Trạm biến áp 320KVA-22/0,4KV có 11 trạm tương đương 3.520KVA.

+ Trạm biến áp 180KVA-22/0,4KV có 11 trạm tương đương 1.980KVA.

d) Cấp nước:

- Nhu cầu sử dụng nước khu dân cư Tùng Lâm là: $Q=4.200$ m³/ngàyđêm.

- Nguồn nước: Nguồn nước chính là nước hồ Yên Mỹ (hiện dự án cấp nước đang được triển khai thực hiện GD1).

- Mạng lưới đường ống cấp nước: Thiết kế mạng lưới cấp nước đối với tuyến chính cấp 1 (từ $\Phi 100$ đến $\Phi 300$) là mạch vòng, đối với tuyến ống phân phối là các nhánh cụt. Sử dụng ống gang cầu dẻo có đường kính từ $\Phi 100$ - $\Phi 200$ cho mạng lưới tuyến chính cấp 1, ống HDPE đối với mạng lưới truyền tải cấp 2 và mạng phân phối có đường kính $< \Phi 100$.

- Tổng chiều dài đường ống gang cầu dẻo 33.840 m.

- Hạng cứu hoả được bố trí trên đường ống $\geq 100\text{m}$ ở các vị trí ngã ba, ngã tư. Khoảng cách trung bình cho một hạng là 150m.

e) Hệ thống thoát nước mưa:

- Thiết kế hệ thống thoát nước mưa độc lập với hệ thống thoát nước thải. Căn cứ vào quy hoạch đã được xác lập dựa theo địa hình và phân chia lưu vực thoát nước theo các lưu vực san nền thiết kế như sau:

+ Lưu vực 1: nằm về phía Tây suối Khe Dầu và phía Bắc núi Đồng Lèn, thuộc thôn Lương Điền. Nước mưa được chảy vào hệ thống cống chính nằm dọc theo các tuyến giao thông, thoát trực tiếp ra suối Khe Dầu qua các cửa xả, sau đó thoát ra sông Bạng Ngoài ra phía Tây có núi Đồng Lèn, nước mưa chảy theo địa hình tự nhiên từ trên các sườn núi chảy vào các mương đón theo trục đường giao thông và theo từng lô đất dự kiến phát triển nằm sát với sườn núi. Sau đó chảy vào hệ thống cống thoát nước chính và thoát ra sông Bạng.

+ Lưu vực 2: nằm về phía Tây suối Khe Dầu và phía Nam núi Đồng Lèn, thuộc thôn Thê Vinh. Nước mưa được chảy vào hệ thống cống chính nằm dọc theo các tuyến giao thông, thoát trực tiếp ra sông Trầu qua các cửa xả, sau đó thoát ra sông Bạng.

+ Lưu vực 3: nằm về phía Đông suối Khe Dầu, thuộc thôn Khoa Trường và xã Tùng Lâm. Nước mưa được chảy vào hệ thống cống chính nằm dọc theo các tuyến giao thông, thoát trực tiếp ra sông Trầu qua các cửa xả, sau đó thoát ra sông Bạng.

+ Lưu vực 4: nằm về phía Nam khu đất quy hoạch, giữa sông Trầu và suối Khe Dầu thuộc thôn Khoa Trường. Nước mưa được chảy vào hệ thống cống chính nằm dọc theo các tuyến giao thông, thoát trực tiếp ra sông Trầu qua các cửa xả, sau đó thoát ra sông Bạng.

- Cống thoát nước mưa được đặt ở hè đường, khoảng cách 30 – 40m/lỗ. Độ dốc cống thoát nước lấy theo độ dốc tối thiểu và độ dốc san nền chạy sát mép bó vỉa.

- Sử dụng thoát nước mưa là cống tròn BTCT từ D60 – D150cm. Tổng chiều dài các tuyến ống khoảng 28.828 m.

f) Quy hoạch thoát nước thải:

- Hệ thống thoát nước thải được thiết kế độc lập hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa, thiết kế bám sát địa hình để đảm bảo tự chảy, hạn chế việc phải dùng trạm bơm tăng áp;

- Mạng lưới thoát nước ngoài đường phố (mương, rãnh xây kết hợp cống tròn BTCT thoát nước). Tổng chiều dài các tuyến mương và cống thoát nước thải khu vực nghiên cứu là khoảng 29,3 km; Thiết kế cống thoát nước thải đường phố cùng hành lang kỹ thuật của đường để tiện cho công việc thu gom và đảm bảo thoát nước tốt.

- Sử dụng thoát nước thải là cống tròn BTCT từ D300 – D400 cm. Tổng chiều dài các tuyến ống khoảng 28.828 m;

- Tổng số các trạm xử lý của khu dân cư Tùng Lâm gồm 4 trạm đặt ở các khu vực thoát nước khác nhau. Công suất các trạm xử lý nước thải chọn từ 500m³ – 1.200 m³; vị trí các trạm xử lý nước thải được xác định trên bản đồ, nước sau khi được xử lý sẽ được thoát ra sông suối khu vực và cuối cùng đổ ra sông Bạng, nước sau khi xử lý phải đạt được tiêu chuẩn cho phép trước khi xả ra nguồn.

g) Vệ sinh môi trường:

- Bố trí hệ thống thùng rác di động đặt tại các tuyến phố, trung tâm vui chơi, khu dịch vụ thương mại, nơi tập trung đông người để đảm bảo lượng rác thải được thu gom lớn nhất, rác được tập trung tạm thời theo từng khu phố để cuối ngày xe thu gom rác về khu xử lý rác thải đặt tại xã Trường Lâm.

- Nghĩa trang: khoanh vùng nghĩa địa cũ, sử dụng nghĩa trang theo định hướng quy hoạch chung KKT Nghi Sơn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

a) Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn:

- Phối hợp với UBND huyện Tĩnh Gia tổ chức công bố rộng rãi nội dung quy hoạch chi tiết để nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện.

- Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ, tài liệu quy hoạch cho đơn vị liên quan để quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

- Từng bước tổ chức nghiên cứu, định vị tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính trên thực địa. Xác lập hệ thống mốc lưới khống chế toạ độ độ cao Nhà nước để có cơ sở quản lý hướng dẫn thực hiện.

- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xác định các biện pháp thực hiện quy hoạch xây dựng và cải tạo đô thị trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, nguồn khai thác từ quỹ đất bằng các cơ chế chính sách theo quy định hiện hành của nhà nước;

b) Sở Xây dựng và các ngành chức năng theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch được duyệt và theo các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Tĩnh Gia; Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.

H2.(2013)QDPD QHPK 1 2000 KDT Tung Lam.doc

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Hồi